BẢN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

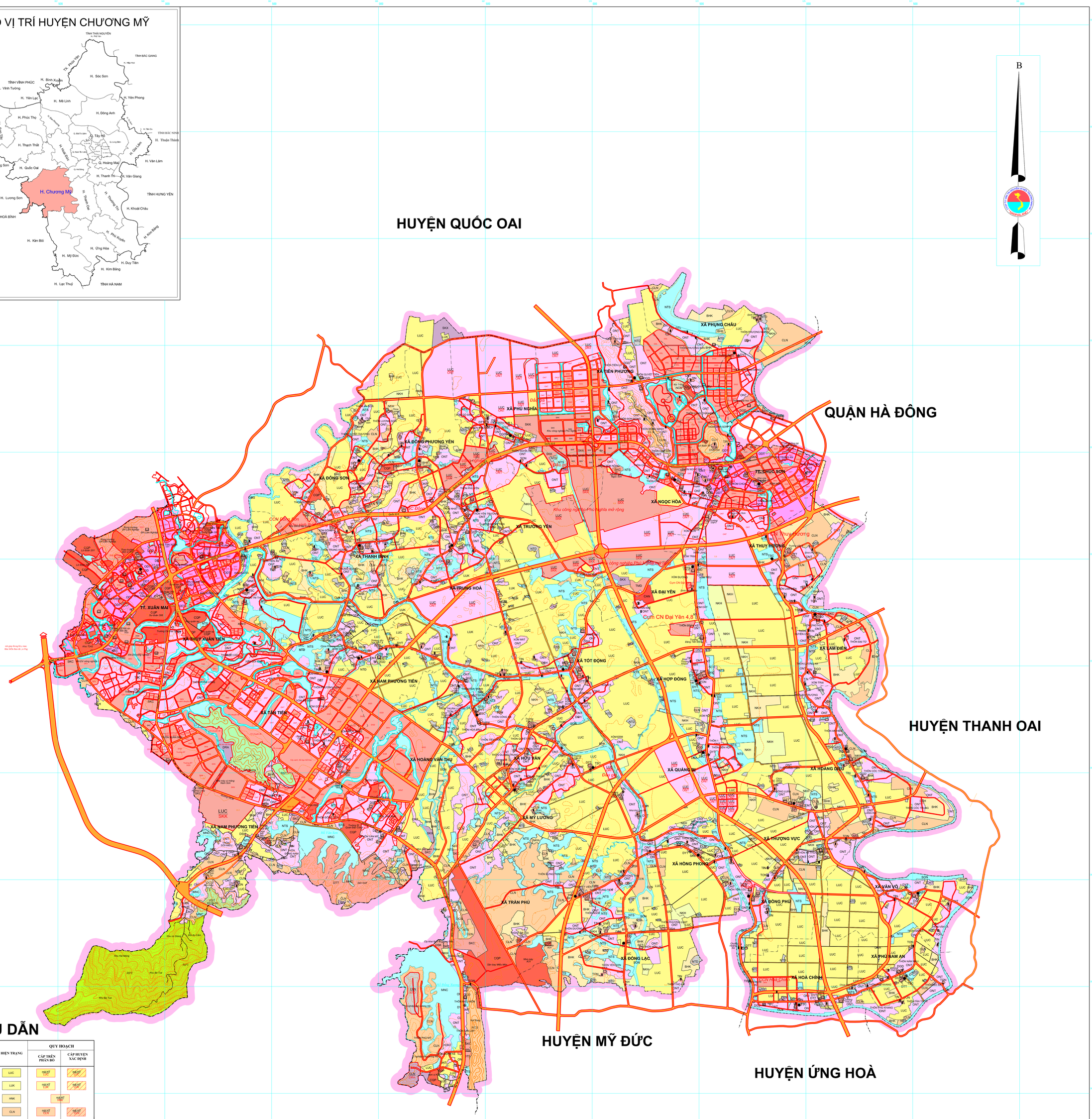

CHÚ DẪN

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH: CẤP TRÊN PHÂN BỔ	QUY HOẠCH: CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH
Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	mã HT LUC	mã HT LUC
Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	mã HT LUK	mã HT LUK
Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	mã HT HNK	
Đất trồng cây lâu năm	CLN	mã HT CLN	mã HT CLN
Đất trồng rừng phòng hộ	RPH	mã HT RPH	mã HT RPH
Đất rừng đặc dụng	RDD	mã HT RDD	mã HT RDD
Đất rừng sản xuất	RDD	mã HT RSX	mã HT RSX
Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	mã HT NTS	mã HT NTS
Đất nông nghiệp khác	NKH	mã HT NKH	mã HT NKH
Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	mã HT TSC	mã HT TSC
Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	mã HT DTS	mã HT DTS
Đất quốc phòng	CQP	mã HT CQP	
Đất an ninh	CAN	mã HT CAN	
Đất khu công nghiệp (kể cả cụm, tuyến công nghiệp)	SKN	mã HT SKN	mã HT SKN
Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	mã HT SKC	mã HT SKC
Đất sx nguyên vật liệu xây dựng	SKX	mã HT SKX	mã HT SKX
Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	mã HT SKS	mã HT SKS
Đất di tích danh thắng	DDT	mã HT DDT	mã HT DDT
Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	mã HT DRA	mã HT DRA
Đất ở tại nông thôn	ONT	mã HT ONT	mã HT ONT
Đất ở tại đô thị	ODT	mã HT ODT	mã HT ODT
Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	mã HT DSH	mã HT DSH
Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	mã HT DKV	mã HT DKV
Đất cơ sở tôn giáo	TON	mã HT TON	mã HT TON
Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	mã HT TIN	mã HT TIN
Đất nghĩa trang, nghĩa địa	NTD	mã HT NTD	mã HT NTD

TÊN KÝ HIỆU	HIỆN TRẠNG	QUY HOẠCH: CẤP TRÊN PHÂN BỔ	QUY HOẠCH: CẤP HUYỆN XÁC ĐỊNH
Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	mã HT MNC	mã HT MNC
Đất phát triển hạ tầng	DHT	mã HT DHT	mã HT DHT
Đất phi nông nghiệp khác	PNK	mã HT PNK	mã HT PNK
Đất chưa sử dụng	CSD	CSD	

Ranh giới đất đô thị
Ranh giới đất khu bảo tồn thiên nhiên
Ranh giới đất khu du lịch
Ranh giới đất khu dân cư nông thôn

Hiện trạng	Quy hoạch	Tên ký hiệu
		UBND tỉnh
		UBND quận, huyện
		UBND phường, xã
		Bệnh viện, trạm y tế
		Đình, đền, chùa, miếu
		Chợ
		Trường học
		Nhà thờ
		Đài phát thanh, truyền hình
		Sân vận động
		Cầu
		Đập
		Đê
		Ranh giới khu dân cư
		Ranh giới khoanh đất
		Địa giới tỉnh xác định
		Địa giới tỉnh chưa xác định
		Địa giới huyện xác định
		Địa giới huyện chưa xác định
		Địa giới xã xác định
		Địa giới xã chưa xác định
		Đường quốc lộ
		Đường tỉnh lộ
		Đường liên huyện
		Đường liên xã
		Đường thôn xóm
		Đường mòn
		Kênh, mương
		Nâng cấp, mở rộng đường
		Khu QH khai thác xỉ

DIỆN TÍCH, CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2030

(Tổng diện tích tự nhiên 23.737,98 ha)

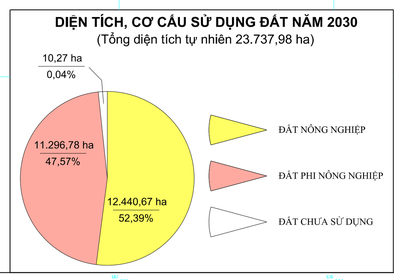

UỶ BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI	UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
Ngày tháng năm 20.....	*Ngày tháng năm 20....*	*Ngày tháng năm 20....*	*Ngày tháng năm 20....*

NGUỒN TÀI LIỆU:

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của huyện
- Bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 TP. Hà Nội
- Điều tra thực địa và khoanh vẽ chỉnh sửa, bổ sung

TỶ LỆ: 1/25.000

ĐƠN VỊ XÂY DỰNG:

Công ty CP tư vấn và dịch vụ Thanh Hà